

CHIẾN LƯỢC CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA BỘ NỘI VỤ ĐẾN NĂM 2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNV ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

I. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT

1. Bối cảnh

Chuyển đổi số là xu thế khách quan, mang tính toàn cầu, giữ vai trò then chốt trong việc nâng cao năng lực quản trị quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và kiến tạo nền hành chính hiện đại, phục vụ nhân dân. Nhận thức rõ tầm quan trọng đó, Đảng và Chính phủ đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách khẳng định chuyển đổi số cùng với đổi mới sáng tạo là trụ cột phát triển quốc gia, gắn với mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh, bảo đảm an toàn, an ninh mạng và thúc đẩy tiến trình hiện đại hóa đất nước.

Với phương châm hành động “Kỷ cương, gương mẫu, chuyên nghiệp, hiệu quả”, Bộ Nội vụ đã chủ động xây dựng Chiến lược chuyển đổi số đến năm 2030, thể hiện quyết tâm dẫn đầu trong cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công và xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, minh bạch, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên số.

2. Cơ sở chính trị và cơ sở pháp lý

Chiến lược chuyển đổi số của Bộ Nội vụ được xây dựng trên cơ sở bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đồng thời cụ thể hóa các chỉ đạo quan trọng gần đây như Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Kế hoạch số 02/KH-CP, Nghị quyết số 214/NQ-CP, cùng với việc tuân thủ Luật Bảo vệ dữ liệu Cá nhân số 91/2025/QH15 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Những cơ sở chính trị, pháp lý này không chỉ bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ trong triển khai mà còn tạo nền tảng vững chắc để Bộ Nội vụ chuyển nhanh từ “ban hành chủ trương” sang “tổ chức thực thi”, nhìn thẳng vào thực trạng của Bộ để nhận diện các điểm nghẽn, xác định rõ mục tiêu và giải pháp trọng tâm, từ đó xây dựng Chiến lược chuyển đổi số hiệu quả, khả thi và bền vững, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, hiệu quả thực tiễn làm thước đo.

3. Sự cần thiết và tầm quan trọng

Chiến lược chuyển đổi số của Bộ Nội vụ (sau đây gọi là Chiến lược) xuất phát từ yêu cầu khách quan của tiến trình đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả, coi người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là động lực của mọi đổi mới.

Trên cơ sở đó, Chiến lược đặt ra nhiệm vụ cấp thiết phải hiện đại hóa phương thức quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy; đồng thời khẳng định vai trò tiên phong của Bộ Nội vụ trong dẫn dắt cải cách, thúc đẩy chuyển đổi số, góp phần kiến tạo nền hành chính dân chủ, minh bạch, hiện đại, vì nhân dân phục vụ.

Trọng tâm của Chiến lược là xây dựng hệ sinh thái tri thức, dẫn dắt đổi mới sáng tạo toàn diện, trong đó dữ liệu ngành Nội vụ được quản lý tập trung, kết nối và chia sẻ; toàn bộ quy trình nghiệp vụ được số hóa và tích hợp trên các nền tảng chung; đảm bảo dòng chảy dữ liệu thông suốt giữa Bộ, các bộ, ngành, địa phương và đồng bộ với Trung tâm Dữ liệu quốc gia. Trên cơ sở đó, ứng dụng công nghệ mới, trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích dữ liệu lớn để dự báo, hỗ trợ ra quyết định, giúp lãnh đạo các cấp chỉ đạo kịp thời, chính xác, đồng thời chuẩn hóa quy trình và minh bạch hóa, nâng cao năng lực quản lý, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu; hướng tới cải cách hành chính, cắt giảm thủ tục, giúp người dân và doanh nghiệp được thụ hưởng dịch vụ nhanh chóng, minh bạch, thuận tiện hơn, góp phần giảm thời gian, chi phí xã hội và củng cố niềm tin vào nền hành chính phục vụ.

Từ những yêu cầu và thực tiễn nêu trên, việc ban hành Chiến lược chuyển đổi số của Bộ Nội vụ đến năm 2030 là hết sức cần thiết, nhằm khẳng định quyết tâm chính trị, củng cố niềm tin xã hội và đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU

1. Quan điểm, nguyên tắc chỉ đạo

Việc xây dựng và triển khai Chiến lược chuyển đổi số của Bộ Nội vụ được định hướng bởi 07 quan điểm cốt lõi, thể hiện quyết tâm chuyển đổi từ tư duy “quản lý hành chính” sang “quản trị phát triển”:

a. Khẳng định vai trò quyết định của nhận thức trong chuyển đổi số

Chuyển đổi số là quá trình đổi mới toàn diện, đòi hỏi sự thay đổi tư duy từ lãnh đạo đến cán bộ, công chức, viên chức. Nhận thức đúng, đầy đủ và sâu sắc về chuyển đổi số là điều kiện tiên quyết để triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, bảo đảm tính chủ động, thống nhất và đồng bộ trong toàn ngành Nội vụ.

b. Người dân, doanh nghiệp là trung tâm

Mọi hoạt động chuyển đổi số phải hướng đến phục vụ người dân và tổ chức một cách thuận tiện, minh bạch và hiệu quả. Thiết kế thể chế, quy trình nghiệp vụ, nền tảng số và cung cấp dịch vụ công đều lấy người dân làm trung tâm, bảo đảm quyền tiếp cận và sử dụng các tiện ích số công bằng và đồng nhất, với định danh duy nhất để truy cập toàn diện các dịch vụ công trực tuyến.

c. Thể chế và công nghệ là động lực thúc đẩy chuyển đổi số

Thể chế tạo hành lang pháp lý thuận lợi, công nghệ là công cụ để hiện thực hóa cải cách, gắn với trách nhiệm giải trình. Bộ Nội vụ tập trung vai trò kiến tạo thể chế, xây dựng nền tảng số dùng chung, còn các đơn vị, địa phương được trao quyền chủ động, linh hoạt trong tổ chức thực hiện dựa trên dữ liệu minh bạch và

kết quả được giám sát theo thời gian thực. Chuyển đổi số Bộ Nội vụ phải trở thành động lực nâng cao năng lực quản trị nhà nước về tổ chức, nhân sự và chính quyền địa phương.

Công nghệ số, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo và tự động hóa, phải được ưu tiên áp dụng nhằm tinh giản thủ tục, giảm gánh nặng hành chính và nâng cao hiệu quả quản lý.

d. Phát triển nền tảng số là giải pháp đột phá.

Việc xây dựng và hoàn thiện các nền tảng số dùng chung trong ngành Nội vụ là giải pháp chiến lược nhằm kết nối dữ liệu, tích hợp dịch vụ, giảm trùng lặp, tối ưu hóa đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị, địa phương triển khai chuyển đổi số một cách nhanh chóng, đồng bộ và hiệu quả.

đ. Dữ liệu số là tài nguyên chiến lược

Dữ liệu được coi là tài sản chiến lược, nền tảng cho mọi quyết sách, liên quan trực tiếp đến tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức và hoạt động hành chính trong toàn quốc. Chuyển đổi số gắn liền với việc bảo đảm dữ liệu được số hóa, chuẩn hóa, liên thông và chia sẻ hiệu quả, từng bước hình thành phương thức điều hành dựa trên dữ liệu, cập nhật, phân tích, dự báo, thay cho cách làm thủ công truyền thống, qua đó nâng cao tính minh bạch, khách quan và kịp thời đồng thời khuyến khích sáng tạo, nghiên cứu, khởi nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội dựa trên dữ liệu.

Việc khai thác dữ liệu phải gắn với cải cách hành chính, phục vụ điều hành, hoạch định chính sách và nâng cao chất lượng dịch vụ công, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin.

e. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng là yếu tố then chốt.

An toàn thông tin phải được coi là điều kiện bắt buộc, xuyên suốt trong toàn bộ quá trình chuyển đổi số. Các giải pháp công nghệ, hạ tầng, dịch vụ đều phải bảo đảm tiêu chuẩn an ninh, an toàn, bảo mật, tạo niềm tin cho người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ số.

g. Chuyển đổi số phải có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn dân.

Chuyển đổi số ngành Nội vụ là nhiệm vụ chung của toàn ngành, toàn hệ thống chính trị, từ trung ương đến địa phương, từ lãnh đạo đến cán bộ, công chức, viên chức. Sự tham gia tích cực, đồng bộ và liên tục của các cấp, các ngành và người dân là yếu tố bảo đảm cho sự thành công, thực chất và bền vững của quá trình chuyển đổi số.

Các quan điểm trên gắn kết chặt chẽ, bổ trợ lẫn nhau, tạo thành một khung chỉ đạo thống nhất để Bộ Nội vụ triển khai chuyển đổi số một cách đồng bộ, bền vững, với mục tiêu cuối cùng là nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Tầm nhìn

Chiến lược hướng tới xây dựng một Bộ Nội vụ hiện đại, minh bạch và linh hoạt, vận hành trên nền tảng số toàn diện, dữ liệu tin cậy và hạ tầng số đồng bộ; trong đó người dân, tổ chức, cán bộ, công chức viên chức và người lao động được đặt làm trung tâm, tiếp cận các dịch vụ công thuận tiện, minh bạch và hiệu quả. Bộ Nội vụ trở thành cơ quan quản lý nhà nước tiên phong trong cải cách hành chính, đổi mới sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực số, đồng thời bảo đảm an toàn, an ninh mạng và kết nối thông suốt với các bộ, ngành, địa phương, góp phần xây dựng nền hành chính phục vụ, hiện đại và đáng tin cậy.

3. Mục tiêu đến năm 2030

3.1 Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, Bộ Nội vụ hoàn thành chuyển đổi số toàn diện, trở thành cơ quan quản lý nhà nước hiện đại, dẫn dắt đổi mới sáng tạo và cải cách thủ tục hành chính. Các hoạt động chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát và nghiệp vụ công tác được số hóa, ứng dụng công nghệ số, dữ liệu chuẩn và hệ thống liên thông, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý; các dịch vụ công và nghiệp vụ nội bộ trở nên minh bạch, dễ tiếp cận cho tổ chức, công dân và doanh nghiệp.

Xây dựng hệ sinh thái số ngành Nội vụ đồng bộ, liên thông và an toàn, quản lý và khai thác dữ liệu tập trung, tin cậy, áp dụng mô hình quản trị hiện đại; phát triển năng lực nhân lực số, văn hóa số, sẵn sàng khai thác dữ liệu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn trong quản lý nhà nước và ra quyết định.

Chiến lược được triển khai đồng bộ với Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030, các nghị quyết và chương trình về Chính phủ điện tử, đổi mới sáng tạo, cải cách hành chính, đồng thời đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, định danh điện tử, tuân thủ chiến lược hạ tầng số quốc gia và chiến lược an toàn, an ninh mạng, phục vụ hiệu quả người dân, tổ chức và xã hội.

3.2 Mục tiêu cụ thể

a. Thể chế số

Rà soát 100% các quy định nghiệp vụ, thiết lập hành lang pháp lý để chuẩn hóa, quản lý, tạo lập, duy trì dữ liệu đảm bảo tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; thúc đẩy số hóa, tạo lập dữ liệu, ưu tiên các lĩnh vực quản lý công vụ, tổ chức bộ máy và cải cách thủ tục hành chính.

Hoàn thành 100% nhiệm vụ rà soát, tham mưu, sửa đổi các quy định hiện hành theo hướng cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính, các thành phần hồ sơ trong thủ tục hành chính; giá trị mang lại từ việc cắt giảm để phục vụ thống kê, chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực.

Hoàn thành 100% hệ thống thể chế số, chính sách số trên lĩnh vực công vụ, chính quyền địa phương, công chức viên chức, tiền lương, bảo hiểm xã hội, người có công, lao động, việc làm,... đáp ứng yêu cầu thời kỳ phát triển mới.

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, nâng cao năng lực thực thi pháp luật gắn với tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, phòng chống tiêu cực, lãng phí.

Hoàn thiện cơ chế chính sách tích hợp số hóa ngay từ thiết kế quy trình; Xây dựng môi trường pháp lý khuyến khích đổi mới, sáng tạo trong công chức, viên chức.

b. Chính phủ số

Triển khai 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

100% nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số.

100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

Phần đầu ít nhất 80% đối tượng được chi trả không dùng tiền mặt.

Phần đầu 100% hệ thống điều hành tác nghiệp, chỉ đạo điều hành của Bộ được hoàn thiện, nâng cấp đồng bộ, bảo đảm vận hành hiệu quả và kết nối liên thông.

80% dịch vụ công tích hợp dữ liệu, áp dụng công cụ phân tích hỗ trợ điều hành (AI/BI).

c. Kinh tế số

Hoàn thiện 100% dữ liệu số về lao động, việc làm kết nối trực tiếp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ mục tiêu hoạch định chính sách và hỗ trợ người lao động.

Cung cấp 100% dịch vụ trực tuyến cho phép người lao động, doanh nghiệp thực hiện toàn bộ quy trình báo cáo, kê khai, quản lý việc làm trên môi trường số.

Thúc đẩy giao kết hợp đồng lao động điện tử, từng bước thay thế và số hóa 100% hợp đồng lao động giấy theo chuẩn dữ liệu ngành Nội vụ; bảo đảm quản lý tập trung, kết nối, chia sẻ dữ liệu thông suốt giữa các bộ, ngành và địa phương.

Phần đầu ít nhất 20.000 lượt doanh nghiệp và 500.000 lượt lao động kết nối được việc làm thông qua các nền tảng của Bộ.

d. Xã hội số

Hoàn thành tạo lập và thúc đẩy chuyển đổi số lĩnh vực An sinh xã hội, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và kết nối, chia sẻ với Trung tâm Dữ liệu quốc gia, phục vụ công tác hoạch định chính sách, quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ an sinh xã hội kịp thời, minh bạch cho người dân.

Triển khai chính thức Sàn giao dịch việc làm quốc gia trên môi trường số với mục tiêu mở rộng cơ hội tiếp cận việc làm cho người lao động, hỗ trợ quản lý thị trường.

Tối thiểu 30% nhu cầu tuyển dụng, tìm việc được thực hiện qua sàn giao dịch việc làm số, tích hợp xác thực bằng định danh điện tử và chữ ký số.

đ. Dữ liệu số

Hoàn thiện 100% hành lang pháp lý cho chiến lược dữ liệu, chiến lược quản trị dữ liệu, kiến trúc dữ liệu Ngành; công bố Danh mục dữ liệu chủ, dữ liệu dùng chung, danh mục dữ liệu mở ngành Nội vụ.

Hoàn thành 100% việc triển khai xây dựng, đưa vào khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, ưu tiên các cơ sở dữ liệu trọng yếu để kết nối, chia sẻ liên thông giữa các cơ quan nhà nước, với các tổ chức chính trị - xã hội và đồng bộ về Trung tâm Dữ liệu quốc gia. Các cơ sở dữ liệu đảm bảo tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn dữ liệu.

Hoàn thành số hóa 100% quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ, đồng thời, tái sử dụng dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

Thúc đẩy số hóa, tạo lập dữ liệu, triển khai số hóa dữ liệu quản lý nhà nước; vận hành Cổng dữ liệu mở.

e. Nền tảng số

Cung cấp ít nhất 9 nền tảng dùng chung, giúp tiêu chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý, là cơ sở để triển khai các dịch vụ số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các công nghệ hiện đại trong quản lý nhà nước. Lựa chọn lộ trình ưu tiên các nền tảng nào là "móng", cần làm trước để tạo đà cho các nền tảng khác để tập trung nguồn lực hiệu quả hơn trong giai đoạn đầu.

Triển khai tích hợp toàn bộ nền tảng số trong Bộ, đồng bộ 100% với nền tảng quốc gia; đảm bảo vận hành hiệu quả, thuận tiện. tạo sự đồng bộ kỹ thuật, là trụ cột để Bộ Nội vụ và Chính phủ vận hành hiệu quả, minh bạch, hiện đại và hướng tới người dân, doanh nghiệp.

g. Hạ tầng số

Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin hoặc thuê dịch vụ hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị phục vụ Chính phủ số Bộ Nội vụ, sử dụng giải pháp công nghệ ảo hóa, điện toán đám mây, dữ liệu lớn (Big Data)...phục vụ lưu trữ các cơ sở dữ liệu của Bộ Nội vụ; đảm bảo 100% kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia.

Mở rộng, tích hợp hạ tầng số 100% trên toàn Ngành; nâng cao khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu; tối ưu chi phí vận hành; tạo nền tảng vững chắc cho chuyển đổi số toàn diện và quản trị dữ liệu thông minh; triển khai hệ thống giám sát tập trung an toàn thông tin; kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu. Triển khai hạ tầng tính toán hiệu năng cao (High Performance Computing – HPC) phục vụ năng lực trí tuệ nhân tạo.

h. Nhân lực số

100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản; phân công trách nhiệm cụ thể cho Ban chỉ đạo chuyển đổi số.

Nâng cao năng lực khai thác dữ liệu; đào tạo chuyên sâu 100% đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin; áp dụng cơ chế thuê chuyên gia; Tổ chức đào tạo trí tuệ nhân tạo (AI) theo vị trí việc làm.

Tăng cường phối hợp, học hỏi kinh nghiệm quốc tế về đào tạo, phát triển nhân lực số trong lĩnh vực quản lý nhà nước về nội vụ; phát triển đội ngũ ít nhất 05 chuyên gia dẫn dắt chuyển đổi số.

i. Nguồn lực tài chính

Bố trí ngân sách 100% cho các dự án chuyển đổi số cấp bách; đề xuất phân kỳ đầu tư.

Đa dạng hóa nguồn vốn, ban hành chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, nghiên cứu triển khai hợp tác công - tư: nghiên cứu cơ chế huy động vốn xã hội hóa, chính sách khuyến khích doanh nghiệp công nghệ tham gia.

k. An toàn thông tin, an ninh mạng

100% hệ thống thông tin áp dụng biện pháp bảo mật; triển khai chữ ký số, định danh điện tử; nâng cấp trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng.

100% hệ thống thông tin của Bộ được xác định cấp độ và triển khai phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ.

Giám sát, bảo mật 100% hệ thống dữ liệu ngành; triển khai phần mềm phòng chống mã độc.

100% các sự cố về an toàn thông tin được ứng cứu kịp thời, 100% dữ liệu được bảo tồn và có khả năng phục hồi sau sự cố.

100% hệ thống thông tin được phê duyệt Hồ sơ cấp độ và triển khai đầy đủ phương án (các nội dung cụ thể) đảm bảo an toàn thông tin theo quy định.

Giám sát, bảo vệ 100% hệ thống thông tin trực tiếp; triển khai mô hình bảo mật nhiều lớp; phối hợp với Bộ Công an; tham gia mạng lưới ứng cứu sự cố quốc gia.

III. NHIỆM VỤ

1. Giai đoạn đến hết năm 2025

a) Hoàn thiện thể chế số

Rà soát, chuẩn hóa quy định nghiệp vụ; ban hành khung pháp lý phục vụ Chiến lược chuyển đổi số, chiến lược dữ liệu; thiết lập hành lang pháp lý quản lý, tạo lập, duy trì dữ liệu.

Rà soát, sửa đổi văn bản pháp luật chuyên ngành công nhận giá trị pháp lý của dữ liệu, hồ sơ điện tử.

Ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu ngành Nội vụ.

Xây dựng hành lang pháp lý, quy định liên quan tới việc doanh nghiệp cập nhật thông tin lao động trên các nền tảng lao động - việc làm.

Xây dựng hành lang pháp lý, hoàn thiện các nền tảng thống nhất dùng chung tiêu chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý.

Áp dụng cơ chế số đồng bộ, hệ thống giám sát thực thi chính sách số.

b) Xây dựng Chính phủ số

Ban hành Kiến trúc Chính phủ số Bộ Nội vụ phiên bản 4.0.

Công bố, công khai thủ tục hành chính, chuẩn hóa quy trình nội bộ, quy trình điện tử.

Duy trì, vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu và IOC của Bộ.

Xây dựng, hoàn thiện trung tâm dữ liệu dùng chung của Bộ, đồng bộ và chia sẻ với Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

Rà soát, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số dùng chung để bảo đảm liên thông trong toàn hệ thống chính trị.

c) Phát triển kinh tế số

Xây dựng nền tảng hợp đồng lao động điện tử tập trung, thống nhất trên phạm vi toàn quốc, phục vụ việc tiếp nhận, quản lý, lưu trữ, khai thác, chia sẻ dữ liệu thông tin về hợp đồng lao động điện tử; kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

Xây dựng và đưa vào vận hành nền tảng dữ liệu số về lao động, việc làm kết nối trực tiếp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu quốc gia bảo hiểm xã hội và các hệ thống chuyên ngành liên quan.

Cung cấp dữ liệu mở chất lượng, có giá trị khai thác cao; kết nối với thị trường dữ liệu quốc gia; thúc đẩy chính sách ưu tiên bố trí ngân sách, thuê chuyên gia, đãi ngộ nhân lực chất lượng cao.

d) Tạo dựng xã hội số

Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về An sinh xã hội, phục vụ công tác hoạch định chính sách, quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ an sinh xã hội kịp thời, minh bạch cho người dân.

Xây dựng, triển khai, duy trì Sàn giao dịch việc làm quốc gia, tạo một đầu mối tập trung, kết nối dữ liệu việc làm từ địa phương, doanh nghiệp và các nền tảng trực tuyến, qua đó mở rộng cơ hội tiếp cận việc làm cho người lao động, hỗ trợ quản lý thị trường lao động minh bạch, hiệu quả hơn.

Triển khai các hệ thống dữ liệu lĩnh vực người có công phục vụ tra cứu thông tin, chính sách, chế độ đối với người có công.

Triển khai mở dữ liệu phục vụ doanh nghiệp, người dân khai thác trong sản xuất, kinh doanh.

Xây dựng hệ sinh thái dữ liệu việc làm quốc gia trên nền tảng điện toán đám mây, ứng dụng AI và Big Data để phân tích, dự báo cung – cầu lao động, hỗ trợ hoạch định chính sách.

đ) Tạo lập, thúc đẩy dữ liệu số

Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu, dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở ngành Nội vụ, mô hình dữ liệu, từ điển dữ liệu.

Xây dựng văn bản kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu; cơ chế kết nối Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

Ban hành quy chuẩn dữ liệu lớn, quy chế khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành.

Phát triển, thu thập, số hóa và triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia, đồng bộ về Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

Triển khai xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành (*Chi tiết tại Phụ lục - Bảng Tổng hợp các nhiệm vụ chiến lược*).

Xây dựng và triển khai cơ sở dữ liệu tích hợp của Bộ; kho dữ liệu tổng hợp; kho dữ liệu số ngành Nội vụ.

Rà soát hệ thống công nghệ thông tin để quản lý, chia sẻ dữ liệu hợp đồng lao động điện tử.

Công bố, cập nhật thường xuyên Danh mục dữ liệu mở ngành Nội vụ, bảo đảm tuân thủ Luật Dữ liệu 2024 và Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03/7/2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước.

Mở rộng cung cấp dữ liệu cho người dân, doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu, báo chí nhằm tăng minh bạch và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

e) Phát triển nền tảng số

Phát triển các nền tảng số dùng chung xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương, ưu tiên các Nền tảng theo quy hoạch Quốc gia đã giao nhiệm vụ trong Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025, gồm:

- Nền tảng/Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.
- Nền tảng Quản lý cán bộ công chức, viên chức quốc gia.
- Nền tảng Quản lý lao động, việc làm.
- Nền tảng Hợp đồng lao động điện tử.
- Sàn giao dịch việc làm quốc gia.
- Nền tảng Lưu trữ số quốc gia.
- Hoàn thành nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu trong ngành Nội vụ và NGSP.

- Xây dựng Nền tảng phân tích BigData, AI.

g) Hiện đại hóa hạ tầng số

Duy trì vận hành trung tâm tích hợp dữ liệu của Bộ Nội vụ và trung tâm điều hành thông minh của Bộ (IOC) đảm bảo an toàn thông tin phục vụ phát triển Chính phủ số của Bộ Nội vụ theo yêu cầu đặt ra.

Xây dựng, hoàn thiện trung tâm dữ liệu dùng chung của Bộ và đồng bộ, kết nối, chia sẻ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Nội vụ với Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

Vận hành chính thức Cổng dữ liệu mở của Bộ Nội vụ nhằm cung cấp các bộ dữ liệu mở có chất lượng và giá trị khai thác cao, mở dữ liệu theo quy định của pháp luật để phục vụ chuyển đổi số toàn diện theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020.

Tăng cường phối hợp, chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng công nghệ thông tin trong Bộ để giảm chi phí đầu tư đảm bảo an toàn, an ninh cho các hệ thống thông tin của Bộ Nội vụ.

Đảm bảo kỹ thuật và công nghệ về hạ tầng công nghệ thông tin khi kết nối hệ thống thông tin của Bộ Nội vụ vào mạng Quốc gia theo mô hình thống nhất.

Phát triển kho dữ liệu tổng hợp của Bộ Nội vụ, sử dụng các công nghệ Big Data, AI để quản lý, phân tích, cung cấp thông tin hỗ trợ ra quyết định cho các cấp lãnh đạo.

Tạo lập kho dữ liệu số ngành Nội vụ đáp ứng các yêu cầu về kết nối, chia sẻ tài nguyên thông tin và dữ liệu.

Hoàn thiện Trung tâm tích hợp dữ liệu của Bộ phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kiểm soát, cung cấp dịch vụ hạ tầng tối ưu với hiệu năng cao của các đơn vị trong Bộ.

h) Nâng cao chất lượng nhân lực số

Nâng cao nhận thức, tăng cường tuyên truyền: Xây dựng các kế hoạch thúc đẩy nâng cao nhận thức lãnh đạo, cán bộ các cơ quan thuộc Bộ Nội Vụ từ trung ương đến địa phương về vai trò quan trọng và sự cấp thiết phải đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số với chương trình chuyển đổi số quốc gia, tăng cường tuyên truyền, biểu dương, tôn vinh những tổ chức, các nhân có thành tích, sáng kiến trong quá trình chuyển đổi số để chia sẻ kinh nghiệm, lan tỏa, nhân rộng.

Khẩn trương tuyển dụng, bố trí kịp thời nhân sự chuyên trách công tác chuyển đổi số để có thể đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đề ra.

Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

Tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân, bảo đảm khả năng vận hành, khai thác, sử dụng hiệu quả các nền tảng số, hệ thống thông tin.

Thường xuyên rà soát, đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức về chuyên đổi số; Đa dạng hóa hình thức sử dụng chuyên gia: Cho phép các cơ quan nhà nước triển khai các hình thức linh hoạt như ký hợp đồng thuê chuyên gia theo từng dự án, nhiệm vụ, không phụ thuộc vào biên chế, nhằm thu hút các chuyên gia hàng đầu tham gia giải quyết những bài toán chuyên đổi số phức tạp của quốc gia và địa phương.

Đảm bảo 100% cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Nội vụ được tập huấn, bồi dưỡng phổ cập kiến thức, kỹ năng số cơ bản; ứng dụng AI trong công việc; 80% cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Nội vụ được tập huấn về an toàn thông tin.

i) Đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng

Xây dựng và triển khai các chính sách, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình đảm bảo an toàn thông tin trong hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ.

Xây dựng khung chính sách quản lý rủi ro, giám sát và kiểm tra việc thực hiện an toàn thông tin.

Phê duyệt kiến trúc đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống dịch vụ của Bộ Nội Vụ theo mô hình ZeroTrust.

Phê duyệt khung năng lực công nghệ thông tin, an toàn thông tin cho cán bộ làm việc tại Bộ Nội vụ và nhân sự của các nhà cung cấp dịch vụ cho Bộ. Triển khai, nâng cấp, phát triển trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng, kết nối và chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin, Bộ Khoa học và Công nghệ). Hệ thống thông tin được quản lý, vận hành mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam.

Triển khai phần mềm phòng chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC). Các hệ thống thông tin hiện có và sau khi đầu tư xây dựng phải được giám sát trực tiếp và kết nối chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

Thực hiện các biện pháp bảo vệ dữ liệu, bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh dữ liệu, an ninh mạng, an toàn thông tin trong quá trình thu thập, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu cá nhân của các bên liên quan, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật; bảo đảm định danh, xác thực người khai thác dữ liệu.

Xây dựng giải pháp ký số, xác thực, bao gồm: Thiết lập kết nối với hạ tầng kỹ thuật của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ; thiết lập kết nối với các nhà cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng;

Tích hợp các thiết bị mã hóa chuyên dụng cho dữ liệu nhạy cảm, dữ liệu mật; xác định các cơ chế sao lưu, lưu trữ và phục hồi dữ liệu khi có vi phạm an toàn, an ninh dữ liệu để bảo đảm tính toàn vẹn của dữ liệu, chống thất thoát dữ liệu.

Triển khai các phương án bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng cho các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã, đang và sẽ xây dựng trong phạm vi quản lý theo tiêu chuẩn TCVN 14423:2025 về An ninh mạng - Yêu cầu đối với hệ thống thông tin quan trọng tại Bộ Nội vụ.

Triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, các nội dung thông tin số trên không gian mạng của ngành Nội vụ.

Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị nghiệp vụ của Bộ Công an trong việc bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, kịp thời ứng cứu sự cố cho hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu, ứng dụng triển khai tại Bộ Nội vụ.

2. Giai đoạn 2025 - 2026

a) Hoàn thiện thể chế số

Hoàn thiện hành lang pháp lý về chuyển đổi số, dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, định danh điện tử.

Triển khai thường xuyên nghiên cứu, rà soát, đề xuất, bổ sung hoàn thiện hành lang pháp lý phục vụ xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu.

b) Xây dựng Chính phủ số

Triển khai cung cấp bổ sung các dịch vụ công trực tuyến mới, tích hợp với cổng dịch vụ công quốc gia.

100% hồ sơ công việc của Bộ Nội vụ được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

c) Phát triển kinh tế số

Xây dựng Nền tảng quản lý lao động và việc làm để hình thành cơ sở dữ liệu tập trung, thống nhất, phục vụ quản lý, giám sát và dự báo thị trường lao động; đồng thời hỗ trợ hoạch định chính sách, kết nối cung – cầu lao động, bảo đảm minh bạch và hiệu quả.

Từng bước thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phân tích, dự báo, công bố thị trường lao động.

d) Tạo dựng xã hội số

Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các Nền tảng nhằm phân tích, dự báo xu hướng thị trường lao động, định hướng nghề nghiệp, nguy cơ mất cân bằng thị trường lao động; từ đó đưa ra giải pháp hỗ trợ kịp thời, góp phần bảo đảm an sinh xã hội bền vững.

Thúc đẩy hình thành công dân số trong khu vực công; lan tỏa kỹ năng và nhận thức số tới cộng đồng; nâng cao nhận thức về an toàn thông tin; xây dựng xã hội số bao trùm, công bằng; lấy con người làm trung tâm.

Phát triển Sàn giao dịch việc làm quốc gia thành nền tảng số thống nhất, kết nối toàn diện dữ liệu việc làm từ trung ương đến địa phương.

Ứng dụng AI và phân tích dữ liệu lớn để dự báo xu hướng lao động, tự động gợi ý việc làm phù hợp cho người lao động, hỗ trợ hoạch định chính sách an sinh xã hội.

đ) Tạo lập, thúc đẩy dữ liệu số

Triển khai xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành (*Chi tiết tại Phụ lục - Bảng Tổng hợp các nhiệm vụ chiến lược*).

Bổ sung và tích hợp các nguồn dữ liệu cho cơ sở dữ liệu tích hợp ngành Nội vụ phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin có liên quan.

Nghiên cứu, đề xuất phương án kết nối, chia sẻ các cơ sở dữ liệu sẵn có của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước đây với IOC của Bộ Nội vụ.

Xây dựng và tổ chức triển khai cơ sở dữ liệu tích hợp của Bộ. Kết nối, chia sẻ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu; tổng hợp dữ liệu tạo lập các chỉ tiêu báo cáo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ.

Phân đầu số hóa hồ sơ, tài liệu lưu trữ thuộc phạm vi quản lý của Bộ:

- Đối với tài liệu đã hình thành trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ:

+ Số hóa đạt 20%;

+ Số hóa 100% mục lục hồ sơ của tài liệu lưu trữ đã chỉnh lý hoàn chỉnh.

- Đối với tài liệu tại các Lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở trung ương

+ Số hóa đạt 15%;

+ Số hóa và công bố 100% mục lục hồ sơ của tài liệu lưu trữ đã chỉnh lý hoàn chỉnh.

e) Phát triển nền tảng số

Tập trung toàn thiện các Nền tảng dùng chung với mục tiêu thống nhất, tập trung quản lý, chuẩn hóa dữ liệu, nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và ra quyết định, tạo Hệ sinh thái số toàn diện, đồng bộ và liên thông, tăng cường minh bạch, giảm thủ tục hành chính, nâng cao trải nghiệm và tiện ích cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp (*Chi tiết tại Phụ lục - Bảng Tổng hợp các nhiệm vụ chiến lược*).

Xây dựng Nền tảng quản lý lao động, việc làm (2026).

100% cơ sở dữ liệu kết nối từ Trung ương tới địa phương và đồng bộ về Trung tâm Dữ liệu quốc gia; xây dựng thống nhất dùng chung các nền tảng điều hành thông minh; dữ liệu trở thành tài nguyên số phục vụ quản lý, ra quyết định.

Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo, các công nghệ phân tích dữ liệu mới, tiên tiến trong công tác quản lý, điều hành để nâng cao khả năng phân tích và xử lý dữ liệu tại Bộ Nội vụ.

g) Hiện đại hóa hạ tầng số

Nghiên cứu rà soát, đánh giá, tham mưu đề xuất nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin của Bộ và các đơn vị đảm bảo hoạt động hiệu quả.

Khai thác, vận hành kho dữ liệu tổng hợp của Bộ Nội vụ, sử dụng các công nghệ Big Data, AI để quản lý, phân tích, cung cấp thông tin hỗ trợ ra quyết định cho các cấp lãnh đạo.

Vận hành hệ thống, kết nối, chia sẻ dữ liệu và tổ chức triển khai đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước qua Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin.

h) Nâng cao chất lượng nhân lực số

Bảo đảm đủ nguồn nhân lực và chính sách đặc thù hỗ trợ hoạt động chuyển đổi số của Bộ Nội vụ.

Xây dựng đội ngũ chuyên gia phân tích dữ liệu, đặc biệt là chuyên gia phân tích dữ liệu có trình độ cao để thực hiện công tác phát triển, tổng hợp và khai thác, phân tích dữ liệu tổng thể, đa chiều, khách quan.

Tăng cường hợp tác quốc tế hiệu quả để huy động nguồn lực thực hiện các mục tiêu chuyển đổi số/xây dựng dữ liệu phù hợp với tình hình, nhiệm vụ và yêu cầu đặt ra.

i) Đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng

Thực hiện đánh giá nội bộ về an toàn thông tin các hệ thống của Bộ theo chính sách an toàn thông tin được ban hành và quy định của pháp luật tối thiểu 1 lần/năm.

Thực hiện báo cáo đánh giá rủi ro về an toàn thông tin tối thiểu 2 lần/ năm.

Hoàn thành trình chủ trương đầu tư quy hoạch An toàn thông tin cho hệ thống nội bộ của Bộ Nội Vụ theo mô hình Zerotruster.

Hoàn thành trình chủ trương đầu tư quy hoạch An toàn thông tin cho các hệ thống dịch vụ công của Bộ Nội Vụ theo mô hình ZeroTrust.

Rà soát năng lực cán bộ công nghệ thông tin, an toàn thông tin của nhân sự làm việc tại Bộ Nội vụ. Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo nhân sự của Bộ hàng năm. (Đào tạo về công nghệ thông tin, an toàn thông tin, AI, Diễn tập thực chiến).

Hoàn thành xây dựng trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng và triển khai giám sát 24/7 cho tất cả các hệ thống của Bộ.

3. Giai đoạn đến hết năm 2030

a) Hoàn thiện thể chế số

Tiếp tục rà soát, đề xuất, bổ sung hoàn thiện hành lang pháp lý phục vụ xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu.

b) Xây dựng Chính phủ số

Triển khai cung cấp 100% thủ tục hành chính trực tuyến mức độ 4, tích hợp với cổng dịch vụ công quốc gia, 80% dịch vụ công tích hợp AI/BigData hỗ trợ ra quyết định.

100% hồ sơ công việc của Bộ Nội vụ được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

c) Phát triển kinh tế số

Khai thác dữ liệu mở và dịch vụ số, mở rộng dịch vụ số dựa trên dữ liệu.

Ứng dụng AI và Big Data để phân tích, dự báo cung - cầu lao động, hỗ trợ hoạch định chính sách.

d) Tạo dựng xã hội số

Ứng dụng AI và phân tích dữ liệu lớn để dự báo xu hướng thị trường, hỗ trợ hoạch định chính sách an sinh xã hội, tạo công ăn việc làm cho người lao động, hỗ trợ doanh nghiệp.

Tiếp tục triển khai các hệ thống phục vụ quản lý, khai thác dữ liệu chuyên ngành cho bộ, ngành, địa phương và cung cấp các hệ thống tiện ích cho người dân, doanh nghiệp tại Bộ Nội vụ.

Tiếp tục xây dựng, phát triển các sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia từng bước tạo lập thị trường dữ liệu minh bạch tạo sự đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia về dữ liệu.

đ) Tạo lập, thúc đẩy dữ liệu số

Tiếp tục thu thập, số hóa, kết nối chia sẻ dữ liệu của các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương có liên quan với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số:

- Đối với tài liệu đã hình thành trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ:

+ Số hóa đạt 30% (cân nhắc về sự cần thiết phải số hóa hoặc chuyển sang hình thức số hóa theo nhu cầu sử dụng để tránh lãng phí);

+ Số hóa 100% mục lục hồ sơ và mục lục tài liệu trong hồ sơ của tài liệu lưu trữ đã chỉnh lý hoàn chỉnh.

- Đối với tài liệu tại các trung tâm Lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở trung ương

+ Số hóa đạt 30%;

+ Số hóa và công bố 100% mục lục hồ sơ và 50% mục lục tài liệu trong hồ sơ của tài liệu lưu trữ đã chỉnh lý hoàn chỉnh.

100% các cơ sở dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành kết nối, tích hợp, chia sẻ đồng bộ với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia theo quy định bảo đảm tổng hợp toàn diện các thông tin, dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; kết nối liên thông dữ liệu với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, các hệ thống thông tin trong và ngoài nước.

e) Phát triển nền tảng số

Hình thành nền tảng dữ liệu và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ giữa Bộ Nội vụ và các cơ quan nhà nước, phấn đấu giảm 30% thủ tục hành chính, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

Hoàn thiện Nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung (Nền tảng AI).

Triển khai ứng dụng triệt để Nền tảng AI/BI cho các nền tảng, ứng dụng nghiệp vụ và chuyên ngành trong phân tích, dự báo, hỗ trợ hoạch định chính sách và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ngành Nội vụ.

g) Hiện đại hóa hạ tầng số

Khai thác, vận hành kho dữ liệu tổng hợp của Bộ Nội vụ, sử dụng các công nghệ Big Data, AI để quản lý, phân tích, cung cấp thông tin hỗ trợ ra quyết định cho các cấp lãnh đạo.

Vận hành hệ thống, kết nối, chia sẻ dữ liệu và tổ chức triển khai đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước qua Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin.

h) Nâng cao chất lượng nhân lực số

Triển khai nhiệm vụ trọng tâm về "Truyền thông và Quản lý sự thay đổi", trong đó xây dựng kế hoạch truyền thông sâu rộng để nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và thúc đẩy việc hình thành "văn hóa số", "văn hóa dữ liệu", nơi cán bộ, công chức, viên chức hiểu và sẵn sàng khai thác dữ liệu trong công việc hàng ngày.

Đào tạo thường xuyên với hệ thống học trực tuyến (E-Learning) và các khóa học thực hành thông qua hợp tác với các doanh nghiệp và tổ chức quốc tế để cung cấp các cơ hội thực tế và trao đổi kỹ thuật, cũng như tiếp cận với những công nghệ và phương pháp mới, tiên tiến nhất của thế giới về xây dựng, phát triển, phân tích, xử lý dữ liệu.

Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo nhân sự của Bộ hàng năm. (Đào tạo về công nghệ thông tin, an toàn thông tin, AI, diễn tập thực chiến).

Đảm bảo Đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin của Bộ đủ năng lực giám sát, vận hành và điều phối xử lý các sự cố về an toàn thông tin.

i) Đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng

Thực hiện đánh giá nội bộ và đánh giá mức độ trưởng thành về an toàn thông tin các hệ thống của Bộ theo chính sách an toàn thông tin được ban hành và quy định của pháp luật tối thiểu 1 lần/năm.

Thực hiện báo cáo đánh giá rủi ro về an toàn thông tin tối thiểu 2 lần/ năm.

Triển khai dự án quy hoạch An toàn thông tin cho hệ thống nội bộ của Bộ Nội Vụ theo mô hình Zerotrust.

Triển khai sao lưu theo nguyên tắc 3-2-1 cho các hệ thống Cơ sở dữ liệu Quốc gia.

100% hệ thống cấp độ 3 trở lên của bộ nội vụ đáp ứng đầy đủ cấp độ 3.

100% hệ thống thống cấp độ 4 trở lên có hạ tầng độc lập với các hệ thống khác.

Triển khai sao lưu theo nguyên tắc 3-2-1 cho các hệ thống Cơ sở dữ liệu Quốc gia và Cơ sở dữ liệu ngành.

IV. KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện được bảo đảm từ các nguồn sau:

1. Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ căn cứ nhiệm vụ được giao, thực hiện lập dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo quy định của pháp luật và chủ động tìm kiếm các nguồn kinh phí hợp pháp theo quy định để triển khai hoạt động chuyển đổi số.

2. Tổ chức thực hiện

Để triển khai Chiến lược chuyển đổi số đồng bộ và hiệu quả, Bộ Nội vụ phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị và quy định chế độ báo cáo, đôn đốc, kiểm tra, cụ thể như sau:

2.1. Trung tâm Công nghệ thông tin

a) Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Tổ Giúp việc hoàn thiện trình cấp có thẩm quyền ban hành Kiến trúc Chuyển đổi số Bộ Nội vụ trong tháng 11/2025.

b) Hàng năm chủ trì xây dựng Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ thuộc Chiến lược chuyển đổi số của Bộ Nội vụ, trình lãnh đạo Bộ phê duyệt.

c) Chủ trì phối hợp các đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao tại *phụ lục - Bảng Tổng hợp các nhiệm vụ chiến lược*.

d) Theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai của các cơ quan, đơn vị; chủ động nắm bắt các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, báo cáo lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

đ) Tổng hợp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, báo cáo lãnh đạo Bộ định kỳ 06 tháng và hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu của Lãnh đạo Bộ.

2.2. Văn phòng Bộ

a) Tổ chức thực hiện đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Chiến lược có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị.

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện việc rà soát, đơn giản hóa, kiến nghị bãi bỏ, hủy bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, trùng lặp trong bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ; chuẩn hóa dữ liệu thủ tục hành chính trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính;

phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và các đơn vị liên quan trọng việc thống kê danh mục các thủ tục hành chính được tin học hóa theo các dịch vụ công một danh toàn trình.

c) Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và các đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thiện tính năng, chức năng kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ để người dân, doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

d) Phối hợp với các đơn vị liên quan số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, giấy tờ do Bộ ban hành, lưu trữ trong kho dữ liệu số của Bộ.

2.3. Vụ Pháp chế

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị quản lý nhà nước, Trung tâm Công nghệ thông tin rà soát, sửa đổi các văn bản để công nhận đầy đủ giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, định danh điện tử, an toàn thông tin, an ninh mạng, giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, hồ sơ điện tử và kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử.

2.4. Vụ Kế hoạch – Tài chính

Vụ Kế hoạch – Tài chính căn cứ đề xuất của các đơn vị về các đề án, dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, dữ liệu số để tổng hợp, tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí theo quy định.

2.5. Vụ Tổ chức cán bộ

Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng về chuyển đổi số cho công chức, viên chức của Bộ Nội vụ theo Kế hoạch này.

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ Chiến lược chuyển đổi số của các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ và Trung tâm Công nghệ thông tin tham mưu, đề xuất Lãnh đạo Bộ có hình thức đánh giá, xếp loại, khen thưởng phù hợp đối với các đơn vị thực hiện tốt Chiến lược.

2.6. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ

a) Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ chỉ đạo, tổ chức lập kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đảm bảo kết quả đầu ra và phân rõ thời gian thực hiện.

b) Hàng tháng, quý các đơn vị có trách nhiệm gửi báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này về Trung tâm Công nghệ thông tin - Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ tại hội nghị giao ban tháng của Bộ và theo yêu cầu đột xuất.

PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC
(Kèm theo Chiến lược chuyển đổi số của Bộ Nội vụ đến năm 2030)

STT	Danh mục nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
I	Thế chế số				
1.1	Ban hành Chiến lược chuyển đổi số, Kiến trúc Chính phủ số Bộ Nội vụ phiên bản 4.0.	Trung tâm Công nghệ thông tin		Quyết định	2025
1.2	Hoàn thiện hành lang pháp lý về chuyển đổi số, dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, định danh điện tử, công nhận giá trị pháp lý của dữ liệu, hồ sơ điện tử trong phạm vi Bộ Nội vụ	Trung tâm Công nghệ thông tin		Thông tư /Quyết định	2026
1.3	Tăng cường tuyên truyền, đào tạo và triển khai các chương trình, kế hoạch nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng chuyển đổi số cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức toàn ngành Nội vụ	Văn phòng Bộ	Trung tâm Công nghệ thông tin	Chương trình	2025
II	Chính phủ số				
2.1	Hoàn thành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ	Văn phòng Bộ	Trung tâm Công nghệ thông tin	Phần mềm/ ứng dụng	2025
III	Dữ liệu số				
	Ứng dụng chuyên ngành				
3.1	Hệ thống quản lý Hội quỹ, tổ chức phi chính phủ	Vụ Tổ chức phi chính phủ	Trung tâm Công nghệ thông tin	Phần mềm/ ứng dụng	2025-2026
3.2	Nâng cấp, bổ sung phần mềm báo cáo thống kê ngành Nội vụ	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị có liên quan	Phần mềm/ ứng dụng	2026

STT	Danh mục nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
3.3	Xây dựng mới phần mềm chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index)	Vụ Cải cách hành chính	Các đơn vị có liên quan	Phần mềm/ ứng dụng	2025-2026
3.4	Nâng cấp phần mềm của Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030	Vụ Cải cách hành chính	Các đơn vị có liên quan	Phần mềm/ ứng dụng	2025-2026
	Ứng dụng dùng chung phục vụ quản trị nội bộ				
3.5	Xây dựng và triển khai Nền tảng dùng chung phục vụ quản trị nội bộ	Trung tâm Công nghệ thông tin	Các đơn vị khác trong Bộ	Phần mềm/ ứng dụng	2025 - 2026
3.6	Xây dựng và triển khai Nền tảng Bàn làm việc số ứng dụng trí tuệ nhân tạo	Trung tâm Công nghệ thông tin	Các đơn vị khác trong Bộ	Phần mềm/ ứng dụng	2025 - 2026
3.7	Xây dựng và triển khai Nền tảng họp trực tuyến	Trung tâm Công nghệ thông tin	Các đơn vị khác trong Bộ	Phần mềm/ ứng dụng	2025 - 2026
3.8	Xây dựng và triển khai Nền tảng kho tri thức thông minh ứng dụng trí tuệ nhân tạo	Trung tâm Công nghệ thông tin	Các đơn vị khác trong Bộ	Phần mềm/ ứng dụng	2025 - 2026
IV	Nền tảng số				
4.1	Nền tảng quản lý cán bộ công chức, viên chức quốc gia	Vụ Công chức - Viên chức		Phần mềm/ ứng dụng	2025-2026
4.2	Nền tảng Hợp đồng lao động điện tử	Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội		Phần mềm/ ứng dụng	2025
4.3	Sàn giao dịch việc làm quốc gia	Cục Việc làm		Phần mềm/ ứng dụng	2025

STT	Danh mục nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
4.4	Nền tảng Quản lý lao động, việc làm	Cục Việc làm	Trung tâm Công nghệ thông tin	Phần mềm/ ứng dụng	2025-2026
4.5	Nền tảng Lưu trữ số quốc gia	Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước		Phần mềm/ ứng dụng	2025-2026
4.6	Hoàn thành nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu trong ngành Nội vụ và với NGSP	Trung tâm Công nghệ thông tin	Các đơn vị khác trong bộ	Phần mềm/ ứng dụng	2026
4.7	Nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung (Nền tảng AI)	Trung tâm Công nghệ thông tin	Các đơn vị khác trong bộ.	Phần mềm/ ứng dụng	2025 - 2026
4.8	Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu dùng chung	Trung tâm Công nghệ thông tin	Các đơn vị khác trong bộ	Phần mềm/ ứng dụng	2027 - 2030
4.9	Nền tảng Blockchain dùng chung	Trung tâm Công nghệ thông tin	Các đơn vị khác trong bộ.	Phần mềm/ ứng dụng	2027 - 2030
V	Hạ tầng số				
5.1	Khảo sát, lập danh mục thiết bị tái sử dụng; Tái cấu trúc, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt và ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây tại các trung tâm dữ liệu của Bộ	Trung tâm Công nghệ thông tin	Các đơn vị khác trong bộ	Kế hoạch	2026
5.2	Hoàn thành triển khai 02 trung tâm dữ liệu (chính & dự phòng), nghiệm thu kết nối Đề án 06; kiểm thử failover; nâng cấp hạ tầng số tại Bộ	Trung tâm Công nghệ thông tin	Các đơn vị khác trong bộ	Hạ tầng số	2026
5.3	Hoàn thiện khung kiến trúc điện toán đám mây chuẩn multi-zone/multi-site, quản trị đa nền tảng,	Trung tâm Công nghệ thông tin	Các đơn vị khác trong bộ	Quyết định	2026

STT	Danh mục nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	tuân thủ CV1145 & 2612 – Bộ Thông tin và Truyền thông (Định cỡ quy mô nhu cầu tính toán, lưu trữ.), trình phê duyệt; hoàn tất thiết lập trung tâm dữ liệu dùng chung phục vụ các ứng dụng cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ; ban hành Chiến lược hạ tầng số 2025–2030				
5.4	Đào tạo, chuyển giao công nghệ điện toán đám mây đa nền tảng; Xây dựng quy trình, quy định đáp ứng các tiêu chí nâng cao chất lượng hạ tầng của Bộ	Trung tâm Công nghệ thông tin	Các đơn vị khác trong bộ	Chương trình	2026
VI	Nhân lực số				
6.1	Xây dựng, ban hành chương trình bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản	Vụ Tổ chức cán bộ	Trung tâm Công nghệ thông tin, Các đơn vị có liên quan	Chương trình	Thường xuyên
6.2	Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyển đổi số, dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức	Vụ Tổ chức cán bộ	Trung tâm Công nghệ thông tin, Các đơn vị có liên quan	Lớp bồi dưỡng	Thường xuyên
6.3	Xây dựng kế hoạch tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nhân tài khoa học, công nghệ	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị có liên quan	Chương trình	2026
6.4	Xây dựng kế hoạch truyền thông sâu rộng để nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và thúc đẩy việc hình thành "văn hóa số", "văn hóa dữ liệu"	Trung tâm Công nghệ thông tin	Các đơn vị có liên quan	Kế hoạch	2026
VII	An ninh, An toàn thông tin				

STT	Danh mục nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
7.1	Xây dựng và triển khai các chính sách, tiêu chuẩn kỹ thuật về An toàn thông tin và Quản lý rủi ro	Trung tâm Công nghệ thông tin	Các đơn vị khác trong bộ.	Quyết định	2025 - 2026
7.2	Xây dựng kiến trúc đảm bảo An toàn thông tin cho hệ thống nội bộ và các hệ thống dịch vụ công của Bộ Nội Vụ theo mô hình ZeroTrust.	Trung tâm Công nghệ thông tin	Các đơn vị khác trong bộ.	Hạ tầng số	2025 - 2026
7.3	100% hệ thống cấp độ 3 trở lên của bộ nội vụ đáp ứng đầy đủ yêu cầu an toàn thông tin, hệ thống cấp độ 4 trở lên có hạ tầng độc lập với các hệ thống khác.	Trung tâm Công nghệ thông tin	Các đơn vị khác trong bộ.	Hạ tầng số	2026 - 2027
7.4	Triển khai sao lưu theo nguyên tắc 3-2-1 cho các hệ thống Quốc gia và ngành.	Trung tâm Công nghệ thông tin	Các đơn vị khác trong bộ.	Hạ tầng số	2027 - 2028
7.5	Hoàn thành xây dựng trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng và triển khai giám sát 24/7.	Trung tâm Công nghệ thông tin	Các đơn vị khác trong bộ.	Hạ tầng số	2025 - 2026